

Bản án số: **05/2024/DS-ST**

Ngày: 24 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Hải**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Xuân Sơn**

Ông **Nguyễn Văn Học**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn TX 1, xã LX, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:

+ Ông **Hà Trọng Đ**, sinh năm 1979

+ Ông **Nguyễn Cảnh N**, sinh năm 1967

Là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hà Trọng Đ và cộng sự.

- *Bị đơn:* Ông **Vương Đăng H**, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TX 3, xã LX, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H, trình bày:** Gia đình bà kinh doanh vật liệu gỗ ép. Ông Vương Đăng H, sinh năm 1968 là người cùng địa phương làm nghề thợ mộc. Ông H có ra tận nhà bà để đặt vấn đề mua vật liệu gỗ ép để sản xuất hàng hóa. Bắt đầu từ năm 2014, bà và ông H có giao dịch mua bán hàng hóa là gỗ ép với nhau. Bà cho người đưa gỗ ép vào chỗ xưởng của ông H và ông H là người ký vào sổ con do bà lập với nội dung là mang vào bao nhiêu hàng hóa hóa ông H sẽ ký xác nhận vào. Đến năm 2017, do ông H không thanh toán tiền gỗ cho bà nên bà ngừng cung cấp gỗ cho ông H. Công nợ gốc của ông H chốt đến ngày 23/9/2017 là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Việc giao dịch mua bán gỗ giữa bà và ông H thì vợ ông H là bà Thanh (bà không biết rõ họ tên bà Thanh) có biết. Nhưng bà Thanh không đứng ra giao dịch mua bán gỗ với bà vì bà Thanh không làm nghề mộc. Bà đã vào nhà ông H nhiều lần để đòi nợ, có mặt cả bà Thanh nhưng vợ chồng ông H hứa hẹn rồi lại chây ỳ không trả nợ cho bà.

Vì vậy, bà chỉ yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho bà số tiền ông H mua gỗ từ năm 2014 - 2017 là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Bà yêu cầu Tòa án tính lãi suất đối với khoản tiền này từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án theo lãi suất là 10%/năm.

Trong hồ sơ vụ án, bà H đã xuất trình hồ 02 sổ mua bán hàng hóa giữa bà và ông Vương Đăng H và bảng tính tiền các sản phẩm gỗ bà H đã bán cho ông H từ năm 2014 - 2017.

Ông Vương Đăng H trình bày: Ông có mua gỗ phéc nhà bà H. Trong quá trình mua bán bằng mồm với nhau chứ không có một tờ giấy gì cả và trong quá trình sản xuất bà H có chở gỗ cho ông và chở cho ông một số ván gỗ kém chất lượng ông bị người ta trả về cho nên ông bị vỡ nợ nên ông bị mắc nợ bà H một số tiền. Số tiền này lúc ông nghỉ làm bà H cũng không thông báo cho ông là nợ bao nhiêu tiền. Ông cũng không ký nợ với bà H. Còn riêng phần ông thì ông có nợ bà H nhưng chỉ nói với nhau bằng mồm thôi. Còn nợ thì ông có nợ nên ông sẽ trả dần một tháng một ít chứ không có tiền trả một lúc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Vương Đăng H phải thanh toán cho bà số tiền ông H mua gỗ từ năm 2014 - 2017 là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) và tính lãi đối với khoản tiền này từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án

theo lãi suất là 10%/năm. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông H về việc trả dần hàng tháng mà buộc ông H phải thanh toán toàn bộ cho bà.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, tại phiên tòa phát biểu: Việc thụ lý, giải quyết vụ án được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Buộc ông Vương Đăng H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ mua hàng là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). chấp nhận yêu cầu của bà H đối với việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Thứ nhất, việc làm ăn mua bán mặt hàng ván gỗ ép giữa thân chủ tôi bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vương Đăng H là có thật, được xác nhận dựa trên chữ ký của ông H và các nhân viên của xưởng ông H có trong sổ theo dõi mua bán hàng hóa giữa 02 bên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng đã thừa nhận có nợ bà H. Điều này được thể hiện tại BL 198, Bản tự khai ngày 11/01/2023 của ông Vương Đăng H trình bày: “ *Còn riêng phần tôi thì tôi có nợ chị H cho nên chỉ nói với nhau bằng mồm thôi. Còn nợ thì tôi có nợ nên tôi phải trả dần mỗi tháng một ít chứ không có tiền trả một lúc*”.

Thứ hai, về số tiền hàng chưa thanh toán. Từ năm 2015 đến năm 2017, bà H có làm ăn, mua bán mặt hàng ván gỗ ép với ông Vương Đăng H, cụ thể:

- Năm 2014, ông H mua của bà H các đơn hàng và còn nợ tổng số tiền là **148.115.000 đồng** (*Một bốn mươi tám triệu một trăm mười năm nghìn đồng*).

- Năm 2015, ông H tiếp tục mua của bà H các đơn hàng trị giá 289.830.000 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Sau đó ông H đã thanh toán cho bà H: 309.065.000 đồng (*Ba trăm linh chín triệu không trăm sáu mươi năm nghìn đồng*) và còn nợ bà H tổng số tiền sau 02 (hai) năm là **128.880.000 đồng** (*Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Năm 2016 đến đầu năm 2017, ông H mua của bà H các đơn hàng trị giá 309.090.000 đồng (*Ba trăm linh chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) và đã thanh toán cho bà H tổng số tiền là 317.518.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*).

Tổng số tiền hàng ông H chưa thanh toán cho bà H sau 04 (bốn) năm là: 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Thứ ba, lãi suất chậm thanh toán, ông H đã không thanh toán số tiền hàng kể từ tháng 03/4/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tức ngày 24/4/2024.

Căn cứ điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

“2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Do đó, ông H phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm đối với khoản nợ chưa thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên là quan hệ pháp luật dân sự. Bị đơn là ông Vương Đăng H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn TX 3, xã LX, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vương Đăng H phải thanh toán cho bà tiền ông H mua gỗ từ năm 2014 - 2017 là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), HĐXX nhận thấy:

Ông H cho rằng ông và bà H có giao dịch mua bán gỗ với nhau nhưng bà H giao gỗ kém chất lượng cho ông dẫn đến ông bị vỡ nợ nên mắc nợ bà H. Bà H cho biết không nhận được bất kỳ thông tin nào từ phía ông H phản ánh lại chất lượng gỗ bà giao cho ông H là kém chất lượng vì bà là doanh nghiệp lâu năm, chuyên cung cấp gỗ cho các xưởng mộc tại địa phương, trong đó có ông H và chưa nhận được phản ánh của bất kỳ ai về việc chất lượng gỗ của bà cung cấp có vấn đề.

Ông H tuy không thừa nhận số tiền nợ như bà H yêu cầu nhưng ông công nhận có mua bán gỗ của bà H, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau và có nợ bà H tiền mua gỗ (số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không rõ).

Ông H đề nghị được trả dần số tiền này hàng tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã xuất trình 02 sổ mua bán hàng hóa giữa bà và ông Vương Đăng H (có chữ ký của ông H mỗi lần nhận hàng) và bảng tính tiền các sản phẩm gỗ bà H đã bán cho ông H từ năm 2014 - 2017 với tổng số tiền hàng là 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Số tiền này phù hợp với số tiền bà H đang yêu cầu ông H phải trả cho bà nên có căn cứ để HĐXX chấp nhận buộc ông H phải trả cho bà H số tiền 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền ông H mua gỗ của bà H từ năm 2014 - 2017.

Xét yêu cầu bà H về việc tính lãi suất đối với số tiền 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án theo lãi suất là 10%/năm, HĐXX thấy:

Khi bà H giao gỗ cho ông H hai bên có lập sổ giao hàng và ông H có ký nhận với bà H. Ông H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền mua hàng cho bà H. Tuy khoản nợ tiền hàng đã quá hạn 02 năm nhưng quá trình giải quyết ông H đã thừa nhận 1 phần nghĩa vụ nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được tính lại thời hiệu khởi kiện. Do đó yêu cầu của bà H về việc tính lãi suất đối với số tiền 122.485.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án (Ngày 24/5/2024) theo lãi suất là

10%/năm là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định là $10\%/01 \text{ năm} = 0,83\%/1 \text{ tháng} = 0,027\%/1\text{ngày}$. Thời điểm chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ tháng 01/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/5/2027 gồm: 06 năm 5 tháng và 23 ngày. Như vậy số tiền lãi (Đã tính làm tròn) là 78.715.000đ. Cần buộc ông H phải trả cho bà H tổng một khoản là 201.200.000đ (Hai trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Ông Vương Đăng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). H trả bà H số tiền dự phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 16;19; Khoản 1 Điều 157; Điều 357; 385; Điều 402 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Vương Đăng H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ mua hàng (Bao gồm cả gốc và lãi) từ năm 2014 – 2017 là **201.200.000đ** (Hai trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Quyền yêu cầu thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Buộc ông Vương Đăng H phải chịu 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040309 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

